

Số: 21/2024/QĐCNTTLH

Hải Phòng, ngày 04 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lee Joung H1**;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đề ngày 20/6/2024 của chị **Nguyễn Thị H**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Chị **Nguyễn Thị H**

Nơi cư trú: **Số B phố A, phường D, Quận N, thành phố Hải Phòng.**

+ Anh **Lee Joung H1**

Nơi cư trú: 888 **W-ri J-do**, Hàn Quốc.

Nơi tạm trú: **Số B V, phường D, Quận N, thành phố Hải Phòng.**

- Đơn đề nghị ghi ngày 26/6/2024 của chị **H** và anh **Lee Joung H1** với nội dung đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành vào ngày 04/7/2024.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 6 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lee Joung H1** cùng thuận tình ly hôn.

(Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lee Joung H1** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, vào sổ đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01/2013, ngày 07/02/2013).

- Về con chung: Chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lee Ha L**, sinh ngày 22/4/2014, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Lee Joung H1** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị **H** số tiền 10.000.000 đồng/01 tháng (mười triệu đồng một tháng), tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lee Joung H1** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Kể từ ngày chị **H** có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh **Lee Joung H1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Thủy